

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUYÊN HOÁ  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/ HNGĐ - ST

Ngày: 02/02/2021

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Phạm Hữu Tình

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Xuân Thuận và bà Hoàng Thị Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Quang Vịnh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2020/TLST - HNGĐ ngày 02/10/2020 về Tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 08/12/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Thôn 3 B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Anh Phan Tiến D, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Thôn 3 B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 11/9/2020 và bản tự khai ngày 05/11/2020 chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Phan Tiến D có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình vào ngày 30/7/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 3 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến gia đình, vợ, con, kể cả trong thời gian chị vừa mới sinh con. Đã nhiều lần chị và hai bên gia đình khuyên nhủ, góp ý nhưng anh D vẫn không thay đổi. Đến tháng 7 năm

2015 vì không chịu nổi sự đánh đập của anh D nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng cũng không hỏi thăm và không quan tâm gì đến nhau. Hiện tại chị cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm nên chị xin được ly hôn với anh D.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh D có một đứa con chung Phan Nguyễn Thiện N, sinh ngày 18/10/2014, từ khi chị và anh D sống ly thân, con ở với bà nội (mẹ của anh D). Nguyên vọng sau khi ly hôn chị muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: giữa chị và anh D không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, thông qua Ủy ban nhân dân xã Thanh Hóa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như giấy triệu tập anh D đến Tòa án để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H nhưng anh D không đến Tòa án và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình. Sau khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành niêm yết tại UBND xã Thanh Hóa, đồng thời gửi giấy triệu tập họp lệ cho anh D. Theo kết quả xác minh tại gia đình, bà Đinh Thị Đích (mẹ ruột của anh D) cho biết gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh D biết về việc chị H làm đơn xin ly hôn, nhưng do anh D hiện tại đang làm ăn ở miền nam nên không thể về tham gia giải quyết vụ án, anh D cũng không cho gia đình biết địa chỉ cụ thể nơi anh đang sinh sống. Quá trình chung sống anh D và chị H có với nhau một đứa con chung Phan Nguyễn Thiện N, sinh ngày 18/10/2014, từ khi chị H bỏ nhà đi thì con do bà và anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán cũng như của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng. Đối với nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến quá trình xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn không chấp hành đúng nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng chị Nguyễn Thị H và anh Phan Tiến D; về quan hệ hôn nhân áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị H và xử cho chị H được ly hôn anh D; về con chung áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho anh Phan Tiến D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc chị H phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; Về tài sản và công nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Buộc chị H phải chịu tiền án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn đối với anh D, đây là tranh chấp về ly hôn. Anh D có hộ khẩu thường trú tại xã Thanh Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa thụ lý, giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phan Tiến D đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H và anh D là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử thấy:

Quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa chị H và anh D là tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận hôn nhân hợp pháp. Chị H xin ly hôn với anh D vì nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy từ sau khi vụ án được thụ lý và trong suốt quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với anh D đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh D vẫn không có mặt. Điều này chứng tỏ anh D không có trách nhiệm đối với hôn nhân của mình, không có thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn gia đình và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, việc chị H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh D là có cơ sở, nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh D.

Quan hệ con chung: Xét thấy kể từ khi chị H và anh D sống ly thân, con chung do anh D và mẹ anh D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hơn nữa hiện tại chị H cũng đi làm ăn ở miền nam, công việc và chỗ ở không ổn định. Vì vậy để đảm bảo cuộc sống và việc học hành của con, Hội đồng xét xử thấy cần giao con cho anh D chăm sóc nuôi dưỡng và buộc chị H có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung: chị H khai vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị H phải nộp để sung công quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Phan Tiến D.
2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Phan Tiến D.

3. Về quan hệ con chung: Giao con chung Phan Nguyễn Thiện N, sinh ngày 18/10/2014 cho anh D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Buộc chị H có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng), kể từ tháng 02 năm 2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản.

4. Về quan hệ tài sản và công nợ chung: không xem xét.

5. Về án phí ly hôn: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007943 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu để nộp vào ngân sách nhà nước.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án, quyền được yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hóa;
- UBND xã Thanh Hóa;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Hữu Tình**